

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày: 26-8-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Nam Phú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Cương;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Châu Rết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. **Họ và tên:** Bị cáo Nguyễn Thị D, (tên gọi khác là Bướm) sinh năm: 1982. **Nơi sinh:** huyện N, tỉnh Đồng Tháp. **Nơi cư trú:** ấp Vĩnh K, xã V, thành phố CD, tỉnh An Giang; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Trình độ học vấn:** 01/12; **Nghề nghiệp:** làm thuê; **Cha tên** Nguyễn Văn P, sinh năm 1944 và **Mẹ tên** Lâm Thị N, sinh năm 1947; **Chồng tên** Đặng Công T, sinh năm: 1985 (đã ly hôn); **Con:** có 02 người (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005); **Anh, chị, em ruột:** có 05 người, bị can thứ nhất.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Người bị hại:** Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1973; địa chỉ nơi cư trú: tổ 12, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1971; địa chỉ nơi cư trú: khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Chính H, sinh năm: 1964; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 12, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

4.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1970; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 14, khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

4.3. Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm: 1992; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 14, khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

4.4. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1954; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 14, khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

4.5. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1944; địa chỉ nơi cư trú: ấp Vĩnh K, xã V, thành phố CD, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/10/2017, bị cáo Nguyễn Thị D đến phòng trọ số 08 của nhà trọ Chiều nhớ (tổ 12, khóm T, thị trấn N, huyện Tịnh Biên) hỏi mượn xe mô tô biển số 67F1-292.33 của ông Nguyễn Tấn L để đi đám cưới. Do quen biết bị cáo D đang ở phòng trọ số 04 của nhà trọ Chiều nhớ nên ông L đồng ý cho bị cáo D mượn xe; bị cáo D điều khiển xe của ông L chạy đến nhà chị Trần Thị Hiền (khóm Xuân Phú, thị trấn Tịnh Biên) rủ chị Hiền sang Casino Campuchia chơi, chị Hiền đồng ý nên bị cáo D điều khiển xe chở sang Casino trên Campuchia. Tại đây, bị cáo D chơi đánh bạc thua hết số tiền 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*), rồi bị cáo D đem điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 cầm cho người lạ gần Casino được số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và chơi đánh bạc thua hết. Lúc này, bị cáo D nảy sinh ý định đem xe mô tô của ông L cầm để lấy tiền chơi đánh bạc nên đã cầm xe tại tiệm cầm đồ gần Casino được 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), rồi dùng tiền cầm xe chơi đánh bạc thua hết. Khoảng 17 giờ cùng ngày, không thấy bị cáo D trả xe nên ông L gọi điện thoại cho bị cáo D thì không gọi được; ngày 30/10/2017, ông Nguyễn Tấn L đến Công an thị trấn N trình báo nội dung vụ việc.

Ngày 04/11/2017, ông Nguyễn Tấn L cùng các ông, bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Bảo T, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Văn Q đi đến Casino trên Campuchia để tìm xe thì phát hiện xe của ông L ở trong tiệm cầm đồ gần Casino nên ông L xin chuộc lại xe mô tô biển số 67F1-292.33 với số tiền 20.000.000đ (*hai mươi*

triệu đồng) và tiền lãi 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

- Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 1432 ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tịnh Biên, kết luận: Xe mô tô biển số 67F1-292.33, loại xe Airblade, nhãn hiệu: Honda, màu sơn: Đỏ - đen, giá trị còn lại khoảng 70%, được định giá là: 32.900.000đ (*ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Ngày 13/3/2019 và ngày 13/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Tịnh Biên đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị D, để điều tra về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

- Cáo trạng số 31/CT-VKSTB-HS ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tuy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- *Tại phiên tòa hôm nay,*

1. Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D, mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho người bị hại ông Nguyễn Tấn L số tiền 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng: không.

2. Bị cáo Nguyễn Thị D khai nhận: Sau khi mượn xe mô tô biển số 67F1-292.33 của ông Nguyễn Tân L thì bị cáo D điều khiển chạy sang Casino trên Campuchia chơi đánh bạc thua hết số tiền 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*), sau đó bị cáo lấy xe của ông L cầm cho người lạ gần Casino được 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và đánh bạc thua hết. Hiện bị cáo đã bồi thường cho ông L số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sửa chữa bản thân, bị

cáo cố gắng lao động để nuôi con nhỏ và nuôi mẹ bệnh; về trách nhiệm dân sự bị cáo xin trả dần cho người bị hại, mỗi tháng bị cáo xin trả cho người bị hại.

3. Lời khai của người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Bảo T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Chính H, Huỳnh Văn Q và Nguyễn Văn P trình bày lời khai như nội dung vụ án.

Ngoài ra, người bị hại ông Nguyễn Tấn L trình bày thêm: sau khi chuộc xe mô tô biển số 67F1-292.33 với số tiền 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*), thì ông L đã bán xe cho bà K với giá 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*).

- Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại ông Nguyễn Tấn L yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự ông đã nhận số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) từ bị cáo; Ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D phải bồi thường thêm số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), trong đó tiền vốn 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) và tiền lãi 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: bà là người đứng ra mua xe với hình thức trả góp cho người bị hại ông L, sau khi ông L chuộc xe do bị cáo cầm thì ông L đã bán lại cho bà với giá 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*) và bà đã bán lại cho bà Trang với giá 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*). Nay bà không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên những người tham gia tố tụng này đều có lời khai tại Cơ quan Điều tra, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu, Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Viện kiểm sát tuy tố bị cáo không oan; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận đây hành vi của bị cáo là “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” xảy ra ngày 25/10/2017 tại khóm T, thị trấn N, huyện Tịnh Biên, do bị cáo Nguyễn Thị D thực hiện với phương thức lợi dụng mối quan hệ quen biết, để tạo lòng tin đối với bị hại ông L để mượn xe Honda biển số 67F1-292.33, sau khi nhận xe thì đem cầm lấy tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) đánh bạc, hành vi của bị cáo đã vi phạm vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố bị cáo Nguyễn Thị D là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Nguyễn Thị D là một công dân đã trưởng thành phải sống đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì lười lao động, ham mê cờ bạc, muốn có tiền để đánh bạc nên thực hiện hành vi lấy xe của bị hại đem cầm mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu nên bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Sự cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên cũng cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng đối với bị cáo, để quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra;

- Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do hành vi của mình gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét bị cáo có nhân thân tốt: chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó bị cáo Nguyễn Thị D có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng: Giai đoạn điều tra, truy tố cơ quan tiến hành đã xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên không đề cập giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thiệt hại về tài sản, người bị hại ông Nguyễn Tấn L đã bỏ ra số tiền 22.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) để chuộc xe mà bị cáo đem cầm trên Casino ở Campuchia. Bị cáo đã khắc phục thiệt hại với số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Còn lại số tiền thiệt hại là 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho người bị hại, cộng với lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày bị hại chuộc xe là ngày 04/11/2017 để ngày xét xử theo quy định của Bộ luật dân sự.

Số tiền lãi chậm trả trên số tiền 19.000.000 đồng x 0.83% x 21 tháng 22 ngày bằng 3.346.000đ (*ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Cộng số tiền thiệt hại 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) và lãi 3.346.000đ (*ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*). Buộc bị cáo Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bị hại ông Nguyễn Tấn L số tiền 22.346.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại Nguyễn Tấn L.

[8] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và chịu số tiền 1.117.000đ (*một triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án là ngày 26/8/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố CD, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi người nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế độ cho hưởng án treo).

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Tấn L số tiền 22.346.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ

luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và chịu số tiền 1.117.000đ (*một triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền án dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- TAND tỉnh (02);
- Vks h.TB (01);
- THA.H.TB (1);
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp (02);
- Lưu hồ sơ, VT (02).

Châu Nam Phú